

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 15/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Ánh**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

2. Bà **Trần Thị Dung**

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: UBND phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Hải Đạt** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 203/2023/TLST-HS, ngày 17 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/HSST-QĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **VÕ TẤN PHÁT**; - Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác:

- Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1992; - Nơi sinh: Cần Thơ;

- Nơi thường trú: **Số A L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ**;

- Nơi ở hiện nay: **Số A Quốc lộ A, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**;

- Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh; - Tôn giáo: Đạo Phật;

- Trình độ học vấn: 12/12; - Nghề nghiệp: Buôn bán;

- Họ và tên cha: **Võ Chí T**, sinh năm 1965;

- Họ và tên mẹ: **Trần Thị L**, sinh năm 1964;

- **A**, chị, em ruột: Có 01 người, sinh năm 2005;

- Vợ: **Nguyễn Như N**, sinh năm 1994;

- Con: Có 01 người, sinh năm 2018;

- Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị khởi tố ngày 25/5/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/. Bà **Nguyễn Như N**, sinh năm 1994 (Có mặt)
ĐKTT: Số F, tổ A, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.
- 2/. Bà **Lê Thị Thanh M**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
ĐKTT: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Chỗ ở hiện nay: Số C, T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
- 3/. Bà **Nguyễn Thanh Kim T1**, sinh năm 1976 (Xin xét xử vắng mặt)
ĐKTT: Số A, T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
- 4/. Ông **Sơn D**, sinh năm 1971 (Vắng mặt)
ĐKTT: Số 88/32/40, T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
- 5/. Bà **Nguyễn Thị Lan N1**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
ĐKTT: Số I, H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.
Chỗ ở hiện nay: Số E, đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
- 6/. Bà **Nguyễn Thị Thu T2**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
ĐKTT: Số A, T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
- 7/. Bà **Lê Thị Thanh T3**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
ĐKTT: Số C, T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.
Chỗ ở hiện nay: Số F, Cồn Khương S, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.
- 8/. Ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1983 (Xin xét xử vắng mặt)
ĐKTT: Số 112/114/19, N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.
- 9/. Bà **Nguyễn Đăng Hoài T4**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)
ĐKTT: Số B, N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/3/2023, Đ - Công an quận N nhận được tố giác về tội phạm của quần chúng nhân dân qua điện thoại về việc **Võ Tấn P** có hành vi cho vay lãi nặng và đòi nợ gây mất an ninh trật tự nên đã tiến hành mời về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, **Võ Tấn P** thừa nhận: Bắt đầu hoạt động cho vay tiền trên địa bàn quận N từ năm 2021, P là người trực tiếp quản lý nguồn tiền, tiếp cận người vay và quyết định việc thoả thuận cho vay. Khi cho vay tiền thì P chỉ thoả thuận miệng với người vay, có trường hợp P cho viết giấy vay nợ và giữ lại giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu... (kể cả bản phô tô). Phát cho vay với các hình thức:

- Cho vay tiền đứng: Với mỗi 1.000.000 đồng tiền gốc cho vay, người vay phải trả lãi 20.000 đồng/ngày tương đương với lãi suất 60%/tháng, khi nào người vay trả hết số tiền gốc đã vay thì xem như hết nợ.

- Cho vay tiền góp: Với mỗi 1.000.000 đồng tiền gốc cho vay, người vay phải trả tiền gốc và lãi hàng ngày với số tiền từ 50.000 đồng/ngày trong thời gian 24 ngày tương đương với lãi suất 40%/tháng, khi nào người vay trả đủ số tiền gốc và lãi do P quy định đủ số ngày như đã thoả thuận thì xem như hết nợ.

Hàng ngày hoặc 05 ngày, 07 ngày **P** đến trực tiếp thu tiền lãi của người vay, có một số trường hợp người vay chuyển khoản cho **P** qua số tài khoản 9934567899999 của **P** mở tại ngân hàng M1 (Ngân hàng Q).

Quá trình điều tra đã làm rõ 08 người vay tiền của **Võ Tấn P**, cụ thể như sau:

1. Chị **Lê Thị Thanh M**: Vay tiền đứng của **P** 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 22/8/2022 đến ngày 04/3/2023, trong đó số tiền vốn gốc Phát cho vay là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi **P** đã thu được từ việc cho chị **M** vay là 6.240.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng là 5.372.640 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 867.360 đồng. Hiện nay chị **M** chưa trả hết cho **P** số tiền nợ gốc 2.000.000 đồng đã vay của **P**.

2. Chị **Nguyễn Thanh Kim T1**: Vay tiền đứng của **P** tổng cộng 02 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022, trong đó số tiền vốn gốc Phát cho vay là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi **P** đã thu được từ việc cho chị **T1** vay là 9.700.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng là 8.265.600 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 1.334.400 đồng. Hiện nay chị **T1** đã trả nợ gốc cho **P** 500.000 đồng, còn nợ lại 4.500.000 đồng.

3. Anh **Sơn D**: Vay tiền đứng của **P** tổng cộng 05 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng từ tháng 12/2021 đến ngày 20/02/2023, trong đó số tiền vốn gốc Phát cho vay là 17.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi **P** đã thu được từ việc cho anh **D** vay là 29.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng là 24.835.400 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 4.364.600 đồng. Hiện nay anh **D** đã trả nợ gốc cho **P** 15.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng.

4. Chị **Nguyễn Thị Lan N1**: Vay tiền đứng và tiền góp của **P** tổng cộng 04 lần với tổng số tiền 16.000.000 đồng từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2022, trong đó số tiền vốn gốc Phát cho vay là 11.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi **P** đã thu được từ việc cho chị **N1** vay là 13.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng là 11.337.080 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 2.262.920 đồng. Hiện nay chị **N1** đã trả nợ gốc cho **P** 6.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng.

5. Chị **Nguyễn Thị Thu T2**: Vay tiền đứng của **P** 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng từ tháng 8/2022 đến ngày 04/3/2023, trong đó số tiền vốn gốc Phát cho vay là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi **P** đã thu được từ việc cho chị **T2** vay là 6.940.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng là 5.975.340 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 964.660 đồng. Hiện nay chị **T2** chưa trả hết cho **P** số tiền nợ gốc 2.000.000 đồng đã vay của **P**.

6. Chị **Lê Thị Thanh T3**: Vay tiền đứng của **P** tổng cộng 02 lần với tổng số tiền 8.000.000 đồng từ tháng 8/2022 đến ngày 13/01/2023, trong đó số tiền vốn gốc Phát cho vay là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi **P** đã thu được từ việc cho chị **T3** vay là 9.710.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng là 8.144.860 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 1.565.140 đồng. Hiện nay chị **T3** chưa trả hết cho **P** số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng đã vay của **P**.

7. Anh **Nguyễn Hoàng V**: Vay tiền đứng của **P** tổng cộng 02 lần với tổng số tiền 5.000.000 đồng từ tháng 6/2022 đến ngày 04/03/2023, trong đó số tiền vốn gốc Phát cho vay là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi **P** đã thu được từ việc cho anh **V** vay là 8.540.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng là 7.352.940 đồng,

tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 1.187.060 đồng. Hiện nay anh **V** đã trả cho **P** 2.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 3.000.000 đồng.

8. Chị **Nguyễn Đặng Hoài T4**: Vay tiền đứng của **P** 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng từ tháng 11/2022, trong đó số tiền vốn gốc Phát cho vay là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi **P** đã thu được từ việc cho chị **T4** vay là 2.240.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng là 1.928.640 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 311.360 đồng. Hiện nay chị **T4** còn nợ **P** 2.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền gốc **P** bỏ ra cho vay là 49.000.000 đồng; tổng số tiền lãi thu được là 85.770.000 đồng, trong đó tổng số tiền lãi vượt mức lãi suất 8.34%/tháng (thu lợi bất chính) là 73.212.500 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 8.34%/tháng là 12.857.500 đồng.

Tổng số tiền gốc người vay chưa trả Phát là 28.500.000 đồng, trong đó chị **Lê Thị Thanh M** 2.000.000 đồng, chị **Nguyễn Thanh Kim T1** 4.500.000 đồng, anh **Sơn D** 5.000.000 đồng, chị **Nguyễn Thị Lan N1** 5.000.000 đồng, chị **Nguyễn Thị Thu T2** 2.000.000 đồng, chị **Lê Thị Thanh T3** 5.000.000 đồng, anh **Nguyễn Hoàng V** 3.000.000 đồng, chị **Nguyễn Đặng Hoài T4** 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo **Võ Tấn P** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 75 ngày 25/7/2023 trao trả lại xe mô tô nhãn hiệu Vario màu trắng, biển số 65B1-679.15 (thu giữ của **Võ Tấn P**) cho chị **Nguyễn Như N** (bút lục 14, 195)

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng gold, số IMEI: 353904109223574 và số tiền 26.000.000 đồng thu giữ của **Võ Tấn P** là tài sản cá nhân của bị cáo **P**. Hiện đang tạm giữ chờ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 194/CT-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ truy tố **Võ Tấn P** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa;

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 201; Điều 35; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; 47 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Võ Tấn P** từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra trao trả lại xe mô tô nhãn hiệu Vario màu trắng, biển số 65B1-679.15 cho chị **Nguyễn Như N**;

- Đối với điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu vàng gold, IMEI: 353904109223574, mật khẩu máy: 888888, đã qua sử dụng, bị cáo **P** dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền thu giữ của bị cáo **P** 26.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0000456, ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền mà bị cáo dùng để cho vay là 49.000.000 đồng; trong đó buộc bị cáo **P** nộp lại sung quỹ Nhà nước 20.500.000 đồng; Buộc các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại để sung quỹ Nhà nước gồm: **Lê Thị Thanh M** phải nộp 2.000.000 đồng; **Nguyễn Thanh Kim T1** phải nộp 4.500.000 đồng; **Sơn D** phải nộp 5.000.000 đồng; **Nguyễn Thị Lan N1** phải nộp 5.000.000 đồng; **Nguyễn Thị Thu T2** phải nộp 2.000.000 đồng, **Lê Thị Thanh T3** phải nộp 5.000.000 đồng, **Nguyễn Hoàng V** phải nộp 3.000.000 đồng, **Nguyễn Đăng Hoài T4** phải nộp 2.000.000 đồng;

- Buộc bị cáo **Võ Tấn P** nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được là 12.857.500 đồng để sung quỹ Nhà nước;

- Buộc bị cáo **Võ Tấn P** phải trả lại cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi mà bị cáo đã thu lợi bất chính gồm: Trả cho **Lê Thị Thanh M** 5.372.640 đồng; Trả cho **Nguyễn Thanh Kim T1** 8.265.600 đồng; Trả cho **Sơn D** 24.835.400 đồng; Trả cho **Nguyễn Thị Lan N1** 11.337.080 đồng; Trả cho **Nguyễn Thị Thu T2** 5.975.340 đồng; Trả cho **Lê Thị Thanh T3** 8.144.860 đồng; Trả cho **Nguyễn Hoàng V** 7.352.940 đồng; Trả cho **Nguyễn Đăng Hoài T4** 1.928.640 đồng;

- Tại phiên tòa bị cáo trình bày thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và xin được giảm nhẹ hình phạt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Như N** trình bày xe mô tô nhãn hiệu Vario màu trắng, biển số 65B1-679.15 là tài sản cá nhân của chị cho bị cáo mượn, chị **N** đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và người tham gia tụng tố tụng khác không ai khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

Đối với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, một số đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, xét thấy các đương sự này đã có lời khai trong quá trình điều tra, nên không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo, nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được bị cáo **Võ Tấn P**, xuất phát từ động cơ muốn có tiền từ thu lợi bất chính mà bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cụ thể theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định “*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Tuy nhiên trong khoảng thời gian từ năm 2021 cho đến khi bị phát hiện tháng 3/2023, bị cáo **Võ Tấn P** đã cho 08 người gồm **Lê Thị Thanh M**, **Nguyễn Thanh Kim T1**, **S**, **Nguyễn Thị Lan N1**, **Nguyễn Thị Thu T2**, **Lê Thị Thanh T3**, **Nguyễn Hoàng V**, **Nguyễn Đăng Hoài T4** vay với tổng số tiền gốc 49.000.000 đồng, với lãi suất 60%/tháng cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất

mà Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định, với tổng số tiền lãi thu được là 85.770.000 đồng, trong đó tiền lãi suất vượt mức 05 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định tức 8.34%/tháng, thu lợi bất chính là 73.212.500 đồng, số tiền lãi suất tương ứng mức 8.34%/tháng là 12.857.500 đồng.

Do đó, nhận thấy bị cáo **Võ Tấn P** đã có hành vi cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, đã thu lợi bất chính với số tiền 73.212.500 đồng, nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, làm cho một bộ phận người đi vay khánh kiệt tài sản, mất khả năng chi trả, mầm mống phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào như bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3]. Về xử lý vật chứng: Như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; 47; 35 Bộ luật Hình sự;
- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Tấn P** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt: Bị cáo **Võ Tấn P** **80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng** sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra trao trả lại xe mô tô nhãn hiệu Vario màu trắng, biển số 65B1-679.15 cho chị **Nguyễn Như N**;
- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max màu vàng gold, IMEI: 353904109223574, mật khẩu máy: 888888, đã qua sử dụng;
- Trả lại cho bị cáo **P** 26.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0000456, ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;
- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền mà bị cáo dùng để cho vay là 49.000.000 đồng; Trong đó buộc bị cáo **P** phải nộp lại sung quỹ Nhà nước **20.500.000 đồng** (Hai

mười triệu, năm trăm ngàn đồng); Buộc các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại để sung quỹ Nhà nước gồm: **Lê Thị Thanh M** phải nộp **2.000.000** đồng (Hai triệu đồng); **Nguyễn Thanh Kim T1** phải nộp **4.500.000** đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng); **Son D** phải nộp **5.000.000** đồng (Năm triệu đồng); **Nguyễn Thị Lan N1** phải nộp **5.000.000** đồng (Năm triệu đồng); **Nguyễn Thị Thu T2** phải nộp **2.000.000** đồng (Hai triệu đồng); **Lê Thị Thanh T3** phải nộp **5.000.000** đồng (Năm triệu đồng); **Nguyễn Hoàng V** phải nộp **3.000.000** đồng (Ba triệu đồng); **Nguyễn Đăng Hoài T4** phải nộp **2.000.000** đồng (Hai triệu đồng);

- Buộc bị cáo **Võ Tấn P** nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được là **12.857.500** đồng (Mười hai triệu, tám trăm năm mươi bảy ngàn, năm trăm đồng) để sung quỹ Nhà nước;

- Buộc bị cáo **Võ Tấn P** phải trả lại cho các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi mà bị cáo đã thu lợi bất chính gồm: Trả cho **Lê Thị Thanh M** **5.372.640** đồng (Năm triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng); Trả cho **Nguyễn Thanh Kim T1** **8.265.600** đồng (Tám triệu, hai trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm đồng); Trả cho **Son D** **24.835.400** đồng (Hai mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng); Trả cho **Nguyễn Thị Lan N1** **11.337.080** đồng (Mười một triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, không trăm tám mươi đồng); Trả cho **Nguyễn Thị Thu T2** **5.975.340** đồng (Năm triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi đồng); Trả cho **Lê Thị Thanh T3** **8.144.860** đồng (Tám triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm sáu mươi đồng); **Nguyễn Hoàng V** **7.352.940** đồng (Bảy triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm bốn mươi đồng); Trả cho **Nguyễn Đăng Hoài T4** **1.928.640** đồng (Một triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng);

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **Võ Tấn P** phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA Q. Ninh Kiều;
- Công an Q. Ninh Kiều;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Các cơ quan khác theo quy định
- Lưu hồ sơ vụ án.

BÙI XUÂN ÁNH